

Bản án số: 273/2025/HS-PT
Ngày 22 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 22 tháng 04 năm 2025, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 774/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Thái Hữu A, Lê Xuân D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Văn M, sinh năm 1968 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Thị B (đều đã chết); có vợ là Huỳnh Thị Nhã U và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2024/HS-ST ngày 02-7-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã xử phạt 15 năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”, bản án chưa có hiệu lực pháp luật; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-3-2018 đến ngày 09-10-2018; tại ngoại;

2. Thái Hữu A, sinh năm 1986 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Kiểm lâm viên trung cấp; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Thái Hữu N và bà Đặng Thị H; có vợ là Nguyễn Thị M1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại;

3. Lê Xuân D, sinh năm 1987 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn A, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân H1 và bà Phạm Thị L; có vợ là Phan Thị S và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST của TAND huyện Đắk R'Lấp xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt Lê Xuân D 03 năm 06 tháng tù về tội "*Đưa hối lộ*" và 02 năm tù về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" hình phạt chung của hai tội là 05 năm 06 tháng tù. Bản án hình sự phúc thẩm số 222/2022/HS-PT ngày 21-4-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy một phần tội danh "*đưa hối lộ*" của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, bị cáo chưa chấp hành hình phạt 02 năm tù về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*"; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-4-2018 đến ngày 10-01-2019; hiện bị cáo đang chấp hành theo Bản án số 26/2021/HS-ST của TAND huyện Đắk R'Lấp;

- Các bị cáo không kháng cáo:

4. Hà Văn H2, sinh năm 1980 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn E, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Trưởng ban Q; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà K và bà Trần Thị L1 (đều đã chết); có vợ là Thị H3 và 05 con; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại;

5. Trần Tiến D1 (tên gọi khác: **M2**), sinh năm 1983 tại Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M3 và bà Lê Thị S1; có vợ là Bùi Thị H4 và 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số: 827/2003/HS-PT ngày 24-9-2003 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội "*Cướp tài sản*", đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt Trần Tiến D1 03 năm tù về tội "*Đưa hối lộ*" và 01 năm 09 tháng tù về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" hình phạt chung của hai tội là 04 năm 09 tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. Bản án hình sự phúc thẩm số 222/2022/HS-PT

ngày 21-4-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy một phần tội danh “*đưa hối lộ*” của Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07-6-2019; bị bắt giam từ ngày 08-6-2024 đến ngày 11-6-2024;

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M: Luật sư Phạm Hữu L2, Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số A, đường A, khu phố C, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bào chữa cho bị cáo Thái Hữu A: Luật sư Nguyễn Như H5, Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ: Số A, Đường A, Khu phố C, phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2017, Lê Xuân D và Trần Tiến D1 biết được có chủ trương cho phép khai thác thông chết, mục, gãy đổ tại khu vực rừng thông do cộng đồng Bon Bukoh quản lý nên đã đến gặp và đưa cho Nguyễn Văn M 350.000.000 đồng tại nhà của M ở Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, để nhờ M giúp đỡ tạo điều kiện cho khai thác.

Nguyễn Văn M sau khi nhận 350.000.000 đồng đã đưa cho Thái Hữu A 50.000.000 đồng. Nguyễn Văn M với chức năng, nhiệm vụ là Chủ tịch UBND xã Đ và Trưởng Ban lâm nghiệp xã Đ; Thái Hữu A là Kiểm lâm địa bàn và thành viên của Ban lâm nghiệp xã Đ đã lợi dụng chức vụ quyền hạn làm nhiều việc để tạo điều kiện cho Lê Xuân D, Trần Tiến D1 khai thác thông trong khu vực rừng thông do Cộng đồng Bon Bukoh quản lý, gồm: M và A đã làm tờ trình của UBND xã Đ và chỉ đạo Hà Văn H2 làm tờ trình của Ban Q để xin chủ trương cho khai thác; trực tiếp liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện T để xin chủ trương cho khai thác; chỉ đạo Hà Văn H2 ký kết hợp đồng với Lê Xuân D, Trần Tiến D1 để khai thác thông và bán gỗ, củi thông khai thác được cho Lê Xuân D, Trần Tiến D1; cho phép Lê Xuân D, Trần Tiến D1 khai thác thông trước khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện T; xác nhận Bảng kê lâm sản nhưng không tiến hành đo đạc, kiểm tra khối lượng lâm sản thực tế khai thác; một số lâm sản có quy cách là gỗ nhưng vẫn xác nhận là củi thông. Ngoài ra, M còn ký khống các đơn xác nhận vận chuyển để Lê Xuân D, Trần Tiến D1 thuận tiện cho việc vận chuyển gỗ, củi đưa đi tiêu thụ.

Khi thực hiện việc khai thác, Lê Xuân D và Trần Tiến D1 đã tự ý thuê người ủi đường và ủi một số thông tươi thì bị Hà Văn H2 – Trưởng ban Q phát hiện. Lê Xuân D và Trần Tiến D1 đã đưa cho H2 20.000.000 đồng để H2 không xử lý vi phạm theo đúng quy định mà tiếp tục cho phép Lê Xuân D và Trần Tiến

D1 ủi đường và khai thác thông. Như vậy, tổng số tiền Lê Xuân D và Trần Tiến D1 đã đưa cho Nguyễn Văn M, Thái Hữu A và Hà Văn H2 là 370.000.000 đồng.

Sau khi bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ phát hiện việc khai thác thông trái phép, Lê Xuân D đã yêu cầu M trả lại cho D số tiền 300.000.000 đồng.

Cáo trạng số 14/CT- VKS – P1 ngày 18-4-2023 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Đắk Nông truy tố Nguyễn Văn M về tội “*Nhận hối lộ*” quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự; Thái Hữu A và Hà Văn H2 về tội “*Nhận hối lộ*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự; Trần Tiến D1 và Lê Xuân D về tội “*Đưa hối lộ*” quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của Trần Tiến D1 và Lê Xuân D phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 04/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

1. *Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn M, Thái Hữu A và Hà Văn H2 phạm tội “Nhận hối lộ”; các bị cáo Trần Tiến D1 và Lê Xuân D phạm tội “Đưa hối lộ”.*

1.1. *Áp dụng điểm c, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn M 09 năm tù về tội “Nhận hối lộ”, tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-3-2018 đến ngày 09-10-2018. Cấm Nguyễn Văn M đảm nhiệm chức vụ trong 03 (Ba) năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.*

1.2. *Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Thái Hữu A 02 năm 06 tháng tù về tội “Nhận hối lộ”, tính từ ngày bị bắt thi hành án. Cấm Thái Hữu A đảm nhiệm chức vụ trong 03 (Ba) năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.*

1.3. *Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Hà Văn H2 01 năm 06 tháng tù về tội “Nhận hối lộ”, tính từ ngày bị bắt thi hành án.*

1.4. *Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 364, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Xuân D năm 03 năm 06 tháng tù về tội “Đưa hối lộ”; tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST của TAND huyện Đắk R’Lấp xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh*

Đắc Nông xử phạt 02 năm tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”; bị cáo phải chấp hành hình phạt của ba Bản án là 11 năm 06 tháng tù, được khấu trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 27-4-2018 đến ngày 10-01-2019, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt chấp hành hình phạt theo Bản án số 26/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Đắc R’Lấp.

1.5. Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 364; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Tiến D1 03 (Ba) năm 03 ngày tù về tội “Đưa hối lộ” (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt).

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu nộp ngân sách nhà nước: 20.000.000đ của Hà Văn H2 (được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng H2 đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số: 005156 ngày 15-3-2019 và số 0000016 ngày 28-12-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắc Nông) và số tiền 300.000.000đ của Lê Xuân D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/7/2024, bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm kêu oan.

Ngày 10/7/2024, bị cáo Thái Hữu A kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm kêu oan.

Ngày 16/7/2024, bị cáo Lê Xuân D kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm kêu oan.

Bị cáo Nguyễn Văn M, Thái Hữu A và Lê Xuân D trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử oan sai cho các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo không phạm tội.

Luật sư Phạm Hữu L2 trình bày: Với chức vụ là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thì bị cáo không có trách nhiệm gì trong việc quản lý rừng cộng đồng nên không phải là chủ thể của tội nhận hối lộ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, tuyên các bị cáo không phạm tội.

Luật sư Nguyễn Như H5 trình bày: Khoản tiền 50.000.000 đồng bị cáo nhận của bị cáo M là bị cáo A mượn số tiền này để làm chi phí về quê. Sau đó, bị cáo A giới thiệu cho vợ chồng bị cáo M bán được đất nên vợ chồng bị cáo M đã cho bị cáo khoản tiền này. Do đó, đây là giao dịch dân sự không liên quan gì đến việc nhận hối lộ, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, tuyên bị cáo không có tội.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ, đúng quy định về thời hạn. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn M, Thái Hữu A và Lê Xuân D là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Các bị cáo này kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo đối với các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và việc tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thủ tục kháng cáo của các bị cáo đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Thái Hữu A và Lê Xuân D.

[2.2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm Trần Tiến D1 và Hà Văn H2 đã thừa nhận hành vi phạm tội. Trần Tiến D1 khai nhận: Để được Nguyễn Văn M tạo điều kiện khai thác, tận thu củi thông nên Trần Tiến D1 cùng Lê Xuân D đến nhà đưa cho Nguyễn Văn M số tiền 350.000.000 đồng. Đối với Hà Văn H2 là Trưởng Ban Q, khi phát hiện Lê Xuân D, Trần Tiến D1 ủi đường, dùng máy ủi mức những cây thông tươi trái phép, H2 đã nhận của Lê Xuân D, Trần Tiến D1 số tiền 20.000.000đ. Sau đó H2 không lập biên bản, tịch thu tang vật vi phạm theo quy định. Trần Tiến D1 và Hà Văn H2 thừa nhận hành vi phạm tội và không kháng cáo.

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Nguyễn Văn M và Lê Xuân D cho rằng không có hành vi đưa và nhận hối lộ. Tuy nhiên, theo lời khai trong quá trình điều tra của Nguyễn Văn M thể hiện Lê Xuân D, Trần Tiến D1 để được ký hợp đồng khai thác rừng thông thì phải đưa số tiền 350.000.000đ cho M, tương đương với 15ha, số tiền này có thể đưa thành nhiều đợt. Sau đó, Trần Tiến D1, Lê Xuân D đã đưa cho M số tiền 350.000.000 đồng làm 02 đợt. Ngày 23-

02-2018 M khai Lê Xuân D có đưa 200.000.000đ để M tạo điều kiện cho Lê Xuân D, Trần Tiến D1 khai thác thông trên diện tích 9,6ha theo như hợp đồng giữa Lê Xuân D và Hà Văn H2 đã ký kết. Tại biên bản ghi lời khai ngày 24-02-2018, thể hiện khi thực hiện xong hợp đồng thứ nhất, Thái Hữu A tham mưu cho M tiếp tục thuê Trần Tiến D1 thực hiện hợp đồng thứ hai để dọn rừng và khai thác tận thu, tận dụng củi rừng thông bị chết trên diện tích 5,8ha do Cộng đồng bon Q quản lý và M nhận thêm tiền là 150.000.000đ từ Trần Tiến Dũng. Hơn nữa, tại các lời khai của Lê Xuân D đều khẳng định cùng Trần Tiến D1 đưa 350.000.000đ cho ông M là để ông M tạo điều kiện cho nhận khai thác khu vực rừng thông do Cộng đồng bon Bukoh quản lý và Lê Xuân D cũng thừa nhận cùng Trần Tiến D1 đã đưa cho Hà Văn H2 số tiền 20.000.000 đồng khi H2 phát hiện việc nhóm bị cáo san ủi đường có mức những cây thông tươi, mục đích để H2 không lập biên bản, tịch thu tang vật vi phạm theo quy định. Hơn nữa, quá trình điều tra lại vụ án, Lê Xuân D khai toàn bộ lời khai của D với Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Đ trước đây là đúng sự thật.

Đối với Nguyễn Văn M và Lê Xuân D cho rằng số tiền 350.000.000 đồng đã giao nhận giữa Lê Xuân D, Trần Tiến D1 và Nguyễn Văn M là tiền thuê đất trồng khoai lang và quản lý trồng rừng để sau này khai thác. Đồng thời Nguyễn Văn M còn cho rằng với chức vụ chủ tịch thì bị cáo không có chức năng nhiệm vụ trong việc quản lý bảo vệ rừng cộng đồng là không có căn cứ. Bởi lẽ,

Tại khoản 3 Điều 38 Luật bảo vệ phát triển rừng năm 2004 quy định Trách nhiệm bảo vệ rừng của Ủy ban nhân dân các cấp:

“3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước về quản lý, bảo vệ, khai thác rừng trong phạm vi địa phương mình;

b) Chỉ đạo các thôn, bản và đơn vị tương đương xây dựng và thực hiện quy ước bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các lực lượng kiểm lâm, công an, quân đội, tổ chức lực lượng quần chúng bảo vệ rừng trên địa bàn; phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi xâm phạm, hủy hoại rừng;

d) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng; hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, huy động các lực lượng chữa cháy rừng trên địa bàn;

đ) Tổ chức quản lý, bảo vệ rừng và có kế hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp trên đưa rừng vào sử dụng đối với những diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê;

e) *Hướng dẫn nhân dân thực hiện quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, sản xuất lâm nghiệp - nông nghiệp - ngư nghiệp kết hợp, làm nương rẫy, định canh, thâm canh, luân canh, chăn thả gia súc theo quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được phê duyệt;*

g) *Kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ về quản lý, bảo vệ rừng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trên địa bàn; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.*

4. *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ khi để xảy ra phá rừng, cháy rừng ở địa phương”.*

Tại khoản 4 Điều 19 của Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03-3-2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, quy định: *“Phương án giao rừng, cho thuê rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã lập có sự tham gia của đại diện các đoàn thể và đại diện nhân dân các thôn trong cấp xã và phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt”.* Hơn nữa, Quy ước quản lý bảo vệ và phát triển rừng bon Bu Koh, xã Đ ban hành kèm theo Quyết định số: 387/QĐ-UBND ngày 01-4-2010 của UBND huyện T (chưa sửa đổi, bổ sung và thay thế) khoản 1 Điều 10 quy định: *“Toàn bộ diện tích rừng đã giao cho cộng đồng quản lý tuyệt đối không được phân chia cho các hộ trong cộng đồng; không được phép mua bán, sang nhượng; không được chặt phá rừng để lấy đất bán”.* Như vậy, các bị cáo cho rằng số tiền 350.000.000 đồng đã giao nhận giữa Lê Xuân D, Trần Tiến D1 và Nguyễn Văn M là tiền thuê đất là không có căn cứ và không đúng với các tình tiết khách quan của vụ án.

Đồng thời, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện quá trình thực hiện trồng lại rừng trong khu vực rừng thông do Cộng đồng bon Bukoh quản lý vào năm 2017, Nguyễn Văn M khai đã sử dụng 45.500.000đ trong số tiền 200.000.000đ Lê Xuân D, Trần Tiến D1 đưa để chi phí trồng rừng gồm thuê nhân công; chi trả tiền ăn, nước uống; thuê vận chuyển cây giống; thuê người phát dọn và xịt thuốc cỏ. Ngoài ra, M còn khai M chi 6.000.000đ mua dao cuốc, 28.000.000đ mua máy khoan hố trồng cây và 9.800.000đ, máy phát cỏ phục vụ trồng rừng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh. Mặt khác, tại Biên bản phiên tòa ngày 21/4/2022, bị cáo M khai dùng số tiền 200.000.000đ của bị cáo Lê Xuân D và Trần Tiến D1 để cất nhà. Như vậy tội phạm hoàn thành khi bị cáo thực hiện hành vi nhận tiền và đạt được *“sự thỏa thuận”* giữa người nhận và người đưa hối lộ, trên cơ sở căn cứ vào giá trị của *“của đưa hối lộ”*. Việc sau khi

nhận tiền hối lộ, Nguyễn Văn M quản lý, sử dụng số tiền này như thế nào không ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn M.

[2.3] Đối với Thái Hữu A, Nguyễn Văn M khai số tiền 50.000.000 đồng Nguyễn Văn M đưa cho là tiền trả công do A đã giới thiệu cho M chuyển nhượng được một số lô đất. Tuy nhiên, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ được thu thập đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các chứng cứ này đều thể hiện M đưa tiền để Anh thực hiện thủ tục, tạo điều kiện cho nhóm Lê Xuân D khai thác, tận dụng củi thông như đã tham mưu lập tờ trình của Ủy ban nhân dân xã Đ gửi Ủy ban nhân dân huyện T, Hạt kiểm lâm huyện T xin chủ trương khai thác, tận dụng củi thông khô, mục, gãy đổ trong khu vực rừng thông do Cộng đồng bon Bukoh quản lý và được bán củi thông cho đơn vị khai thác để có kinh phí dọn rừng, trong khi theo quy định phải bán đấu giá. Biết nhóm Lê Xuân D tổ chức khai thác thông trước khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện T nhưng không lập biên bản vi phạm, không yêu cầu dừng khai thác; Kiểm tra nội dung hợp đồng khai thác giữa Ban Q với Lê Xuân D, cho Lê Xuân D khai thác và được lấy lâm sản đem bán, không thực hiện bán đấu giá theo quy định của pháp luật; Xác nhận vào Bảng kê lâm sản nhưng không tiến hành kiểm tra khối lượng lâm sản thực tế khai thác, thống nhất với Nguyễn Văn M, Hà Văn H2, Lê Xuân D về khối lượng khai thác chỉ để cân đối sao cho Lê Xuân D và Ban Q không phải thanh toán tiền cho nhau; Trong Bảng kê lâm sản do Thái Hữu A, Lê Xuân D cùng lập có quy cách lâm sản là gỗ nhưng A vẫn xác nhận là củi để phù hợp với chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện T về việc khai thác tận dụng củi thông và để thuận tiện cho Lê Xuân D, Trần Tiến D1 vận chuyển; khi giao 50.000.000 đồng Minh có nói rõ là tiền được nhóm D1 bồi dưỡng.

Do đó, việc sau này Nguyễn Văn M, Thái Hữu A thay đổi lời khai và cho rằng số tiền 50.000.000đ M đưa cho A là trả công môi giới chuyển nhượng đất là không có cơ sở.

[2.4] Như vậy, có cơ sở xác định: Khoảng tháng 7/2017, Lê Xuân D và Trần Tiến D1 biết được có chủ trương cho phép khai thác thông chết, mục, gãy đổ tại khu vực rừng thông do cộng đồng Bon Bukoh quản lý nên đã đến gặp và đưa cho Nguyễn Văn M 350.000.000 đồng để nhờ M giúp đỡ tạo điều kiện cho khai thác, sau khi nhận tiền M đưa cho Thái Hữu A 50.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Văn M với chức năng, nhiệm vụ là Chủ tịch UBND xã Đ và Trưởng Ban lâm nghiệp xã Đ; Thái Hữu A là Kiểm lâm địa bàn và thành viên của Ban lâm nghiệp xã Đ đã lợi dụng chức vụ quyền hạn nhận tiền và làm nhiều việc theo yêu cầu của Lê Xuân D, Trần Tiến D1 như: M chỉ đạo Hà Văn H2 làm tờ

trình của Ban Q; chỉ đạo Thái Hữu A làm tờ trình của UBND xã Đ (do M ký) gửi UBND huyện T và Hạt kiểm lâm huyện T để xin cho khai thác, tận dụng củi thông trong khu vực rừng thông do Cộng đồng Bon B1 Koh quản lý và sau đó bán gỗ, củi thông cho Lê Xuân D, Trần Tiến D1. UBND huyện T có Công văn số 1334/CV-UBND đồng ý về việc cho khai thác, tận dụng củi thông và giao cho UBND xã Đ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát theo dõi trong quá trình cắt đốn, tận dụng và nghiệm thu củi thông. Tuy nhiên, với mục đích tạo điều kiện giúp đỡ cho Lê Xuân D, Trần Tiến D1 thuận lợi trong quá trình khai thác thông cây (không phải là củi) thì M đã bỏ lơ, không thực hiện việc kiểm tra, giám sát, nghiệm thu theo đúng quy định.

Về phía Thái Hữu A tham mưu lập tờ trình của Ủy ban nhân dân xã Đ gửi Ủy ban nhân dân huyện T, Hạt kiểm lâm huyện T xin chủ trương khai thác, tận dụng củi thông khô, mục, gãy đổ trong khu vực rừng thông do Cộng đồng bon Bukoh quản lý và được bán củi thông cho đơn vị khai thác để có kinh phí đốn rừng, trong khi theo quy định thì phải bán đấu giá các sản phẩm tận thu này và tuy biết việc Lê Xuân D, Trần Tiến D1 tổ chức khai thác thông trước khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện T nhưng không lập biên bản vi phạm, không yêu cầu dừng khai thác; Đồng thời xác nhận vào Bảng kê lâm sản nhưng không tiến hành kiểm tra khối lượng lâm sản thực tế khai thác; thống nhất với Nguyễn Văn M, Hà Văn H2, Lê Xuân D về khối lượng khai thác chỉ để cân đối sao cho Lê Xuân D và Ban Q không phải thanh toán tiền cho nhau; Tuy bảng kê lâm sản do Thái Hữu A, Lê Xuân D cùng lập có quy cách lâm sản là gỗ nhưng A vẫn xác nhận là củi để phù hợp với chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện T về việc khai thác tận dụng củi thông và để thuận tiện cho Lê Xuân D, Trần Tiến D1 vận chuyển.

Trong quá trình khai thác, Lê Xuân D và Trần Tiến D1 đã tự ý thuê người ủi đường và ủi một số thông tươi thì bị Hà Văn H2 – Trưởng ban Q phát hiện. Lê Xuân D và Trần Tiến D1 đã đưa cho H2 20.000.000 đồng để H2 không xử lý vi phạm theo đúng quy định mà tiếp tục cho phép ủi đường và khai thác thông.

[2.4] Tổng số tiền Lê Xuân D và Trần Tiến D1 đã đưa cho Nguyễn Văn M, Thái Hữu A và Hà Văn H2 là 370.000.000 đồng, trong đó M nhận 300.000.000 đồng; Anh nhận 50.000.000 đồng; H2 nhận 20.000.000 đồng. Do đó, hành vi của Nguyễn Văn M đã phạm tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự; Thái Hữu A và Hà Văn H2 đã phạm tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự; hành vi của các bị cáo Lê Xuân D và Trần Tiến D1 đã phạm vào tội

“Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 364 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan.

[2.5] Đối với hành vi khai thác thông đang phát triển bình thường của Lê Xuân D, Trần Tiến D1 và các cá nhân có liên quan đã được giải quyết trong Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07/6/2019 của TAND tỉnh Đắk Nông nên không đề cập xử lý. (Xử phạt Trần Tiến D1 01 năm 09 tháng tù; xử phạt Lê Xuân D 02 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”, Trần Tiến D1 đã chấp hành xong hình phạt, Lê Xuân D chưa chấp hành hình phạt) nên cần áp dụng Điều 55, 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt.

[2.6] Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn M, Thái Hữu A, Hà Văn H2, Lê Xuân D và Trần Tiến D1 đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và uy tín của các cơ quan nhà nước; tạo ra dư luận xã hội xấu đối với hoạt động công vụ tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nói riêng cũng như tình hình chung. Do vậy, Hội đồng xét xử cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra. Ngoài ra, cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm Nguyễn Văn M và Thái Hữu A đảm nhiệm chức vụ trong một thời gian sau khi chấp hành xong hình phạt.

[2.7] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Nguyễn Văn M đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng, Thái Hữu A nộp số tiền 50.000.000 đồng, Hà Văn H2 nộp số tiền 10.000.000 đồng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn M quá trình công tác đã đạt nhiều thành tích và được tặng giấy khen, hiện nay bị cáo Nguyễn Văn M đang điều trị bị bệnh tim (*có xác nhận của bệnh viện*) nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Hà Văn H2 quá trình điều tra đến nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

[3] Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đã được giải quyết trong Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07-6-2019 của TAND tỉnh Đắk Nông nên không đề cập xử lý.

[4] Đối với số tiền 20.000.000đ Hà Văn H2 nhận hối lộ và 300.000.000đ Lê Xuân D, Trần Tiến D1 đưa hối lộ (D1 đưa bị cáo M, sau khi hành vi bị phát hiện, vợ bị cáo M đã đem trả lại cho Lê Xuân D). Do đó, cần truy thu nộp ngân sách nhà nước 20.000.000đ của Hà Văn H2 (*được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng H2 đã tự nguyện nộp*) và 300.000.000đ của Lê Xuân D.

[5] Đối với Lê Xuân D: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST ngày 25-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", hiện đang chấp hành hình phạt; tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt Lê Xuân D 03 năm 06 tháng tù về tội "*Đưa hối lộ*" và 02 năm tù về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" hình phạt chung của hai tội là 05 năm 06 tháng tù. Bản án hình sự phúc thẩm số 222/2022/HS-PT ngày 21-4-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông (phần tội danh "*đưa hối lộ*"), bị cáo chưa chấp hành hình phạt 02 năm tù về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*". Do đó, cần áp dụng Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết nào mới có căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn M, Thái Hữu A và Lê Xuân D, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần bị kháng cáo.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn M, Thái Hữu A phạm tội "*Nhận hối lộ*", bị cáo Lê Xuân D phạm tội "*Đưa hối lộ*".

2.1. Áp dụng điểm c, đ khoản 2, khoản 5 Điều 354; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn M 09 năm tù về tội "*Nhận hối lộ*", tính từ ngày bị bắt thi hành án và được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày

14-3-2018 đến ngày 09-10-2018. Cẩm Nguyễn Văn M đảm nhiệm chức vụ trong 03 (Ba) năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Thái Hữu A 02 năm 06 tháng tù về tội “*Nhận hối lộ*”, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án. Cẩm Thái Hữu A đảm nhiệm chức vụ trong 03 (Ba) năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.3. Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 364, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Xuân D 03 năm 06 tháng tù về tội “*Đưa hối lộ*”; tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2021/HS-ST của TAND huyện Đắk R’Lấp xử phạt bị cáo 06 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2019/HS-ST ngày 07-6-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”; bị cáo phải chấp hành hình phạt của ba Bản án là 11 năm 06 tháng tù, được khấu trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 27-4-2018 đến ngày 10-01-2019, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt chấp hành hình phạt theo Bản án số 26/2021/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp.

3. Biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu nộp ngân sách nhà nước: 20.000.000đ của Hà Văn H2 (*được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng H2 đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số: 005156 ngày 15-3-2019 và số 0000016 ngày 28-12-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông*) và số tiền 300.000.000đ của Lê Xuân D.

4. Về án phí:

4.1. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn M, Thái Hữu A, Lê Xuân D phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng

4.2. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn M, Thái Hữu A, Lê Xuân D phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Đắk Nông; (4)
- VKSND tỉnh Đắk Nông; (1)
- Công an tỉnh Đắk Nông; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông; (1)
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông; (1)
- (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TTG CA tỉnh Đắk Nông; (4)
- “Đề tống đạt cho bị cáo”; (1)
- NCQLNVLQ ;
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 25b. (LMA).

Vũ Ngọc Huynh